TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **67**/2026/HN&GĐ-ST
Ngày: 07-7-2026
"V/v L hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

2/ Ông Lê Đình Trung.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2026/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc *"L hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 112/2026/QĐXXST-HN&GĐ ngày 29 tháng 05 năm 2026 và Q định hoãn phiên tòa số 111/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 13/7, đường số 37, thôn Đa Kai 7 (nay là thôn 10), xã Nt, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Cao Văn Q, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số 13/7, đường số 37, thôn Đa Kai 7 (nay là thôn 10), xã Nt, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải Q vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1995, bà H và ông Q kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (cũ). Sau ngày cưới vợ cH sống ít có hạnh phúc, do ông Q sống ích kỷ, gia trưởng, bạo lực, đánh bà H nhiều lần, bà H nhiều lần khuyên nhưng ông Q không thay đổi, cuộc sống như thế cứ lập đi lặp lại gây áp lực cho bà H không chịu nổi. Bà H xác định vợ cH không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, mẫu thuẫn vợ cH thật sự trầm trọng không hàn gắn được, nên bà H yêu cầu l hôn ông Q.

Về con chung: Bà H khai nhận giữa bà H và ông Q đã có với nhau 03 con chung tên Cao Thị Thu H, sinh năm 1995, Cao Md, sinh năm 1998 và Cao Bảo Út L, sinh ngày 24/4/2013. Sau khi l hôn, bà H yêu cầu Tòa án giải Q tranh chấp về nuôi con theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung sống với bà H thì bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà H không yêu cầu Tòa án giải Q trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Q định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải Q vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải Q vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hồ Thị H l hôn ông Cao Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho bà Hồ Thị H quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Cao Bảo Út L, sinh ngày 24/4/2013.

3. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu giải Q tranh chấp về cấp dưỡng, chia tài sản và nợ khi l hôn.

4. Buộc nguyên đơn chịu án phí l hôn theo quy định.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải Q:

Nguyên đơn Hồ Thị H khởi kiện l hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Cao Văn Q; bị đơn có nơi thường trú tại thôn Đa Kai 7, xã Nt, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 51, 56, 57, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị Q số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án l hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Hội đồng xét xử Q định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Bà H và ông Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh, Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, bà H và ông Q sống chung với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà H là do sống ích kỷ, gia trưởng, bạo lực, đánh bà H nhiều lần. Qua kết quả xác minh đối với người thân của ông Q cho thấy giữa ông Q và bà H có mâu thuẫn với nhau trong thời kỳ hôn nhân.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu l hôn của bà H đối với ông Q.

[3.2] Về con chung: Theo lời khai của bà H thì giữa bà H và ông Q đã có với nhau 03 con chung tên Cao Thị Thu H, sinh năm 1995, Cao Md, sinh năm 1998 và Cao Bảo Út L, sinh ngày 24/4/2013. Tuy nhiên, chị H và anh Định đã trên 18 tuổi nên chi H không yêu cầu Tòa án giải Q và không cung cấp bản sao giấy khai sinh.

Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 71/2013, đăng ký ngày 02/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh, Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng) thì có căn cứ pháp lý để xác định cháu Cao Bảo Út L, sinh ngày 24/4/2013 là con chung của bà H và ông Q.

Quá trình giải Q vụ án, bà H yêu cầu Tòa án giải Q tranh chấp về nuôi con theo nguyện vọng của con chung, nếu con chung sống với bà H thì bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông Q về việc nuôi con chung sau khi l hôn. Tuy nhiên, tại bản khai lập ngày 21/4/2026, cháu Út L nêu nguyện vọn được sống với bà H.

Nhận thấy, hiện tại cháu L đang sinh sống ổn định cùng bà H, do đó việc thay đổi môi trường sống ít nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến cháu; mặt khác việc cháu L là nữ nên việc cháu được sống cùng mẹ sẽ phát triển tốt hơn về mặt tâm sinh lý, bà H có sức khỏe và không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên; do đó, sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của cháu L, Hội đồng xét xử Q định giao cho bà H quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là phù hợp với quy định tại khoản Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp chia tài sản và nợ khi l hôn: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải Q trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí l hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, Nghị Q số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 7 của Nghị Q 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị H l hôn ông Cao Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 11, đăng ký ngày 03/3/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Kai, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Nt, tỉnh Lâm Đồng) giữa bà Hồ Thị H và ông Cao Văn Q hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Hồ Thị H quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Cao Bảo Út L, sinh ngày 24/4/2013.

Sau khi l hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp chia tài sản và nợ khi l hôn: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải Q trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị H phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005662 ngày 01/4/2026. Bà Hồ Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 17;
- Phòng THADS khu vực 17;
- UBND xã Nt, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận